TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/KDTM-PT
Ngày: 16-11-2022
V/v: Tranh chấp chuyển nhượng cổ phần.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Lê Tự.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16-11-2022, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2022/TLPT-KDTM ngày 15-6-2022 về "Tranh chấp chuyển nhượng cổ phần", do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 21-02-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2022/QĐ-PT ngày 24-10-2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư **Nguyễn Đình T** - Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

Luật sư **Nguyễn Văn H**; địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông **Hà Văn A**, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05-4-2022):

Ông **Nguyễn Trung T**, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

2.2. Ông **Nguyễn Tri Q**, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

2.3. Bà **Đào Hoàng H**, sinh năm 1947; địa chỉ cư trú: tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

MMT & PARTNERS LAW FIRM

2.4. Ông **Dương Công Đ**, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Hoàng H và ông Dương Công Đ (Văn bản ủy quyền ngày 30-9-2019):

Ông **Nguyễn Tri Q**, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Công ty Cổ phần G; địa chỉ trụ sở: tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh T - Chức vụ: Tổng Giám đốc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26-7-2020):

- Ông **Huỳnh Tấn T**; địa chỉ cư trú: chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3.2. Ông Lê Minh D; địa chỉ cư trú: thành phố Hà Nội, vắng mặt.

3.3. Công ty Cổ phần X đầu tư; địa chỉ trụ sở: thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Việt D** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.4. Bà Phạm Thị Ngọc L; địa chỉ cư trú: tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.5. Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư T; địa chỉ trụ sở: tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lương Công H** - Chức vụ: Giám đốc.

3.6. Bà Nguyễn Thị Ngọc T; địa chỉ cư trú: huyện D, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.7. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ; địa chỉ cư trú: huyện D, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn, ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Ngày 31-01-2018, ông (K) và các ông bà: Hà Văn A, Dương Công Đ, Nguyễn Tri Q và Đào Hoàng H có ký kết Hợp đồng nhượng cổ phần số 3101/2017-G (sau đây viết tắt là Hợp số 3101/2017-G) về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần G (sau đây viết tắt là Công ty G), với nội dung: Ông A, ông Đ, ông Q và bà H là các cổ đông của Công ty G đồng ý chuyển nhượng số cổ phần của các ông, bà tại Công ty cho ông (Nguyễn Văn K) với số lượng: Ông Hà Văn A 90.000 cổ phần, tương ứng với 90% tỷ lệ vốn điều lệ; ông Dương Công Đ 5.000 cổ phần, tương ứng với 5% tỷ lệ vốn điều lệ; ông Nguyễn Tri Q 4.500 cổ phần, tương ứng với 4,5% tỷ lệ vốn điều lệ và bà Đào Hoàng H 500 cổ phần, tương ứng với 0,5% tỷ lệ vốn điều lệ.

Để đảm bảo cho việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần và thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng, trong các ngày 02-02-2018 và 06-02-2018, ông (K) đã chuyển số tiền đặt cọc là 15.600.000.000 đồng vào tài khoản của ông Hà Văn A. Sau khi nhận tiền đặt cọc, ông Hà Văn A yêu cầu ông phải thực hiện các điều kiện không có

MMT & PARTNERS LAW FIRM

thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể như: Lập bản cam kết tiến độ thực hiện dự án, chứng minh năng lực tài chính, chứng minh khả năng thi công triển khai dự án, cam kết không phải là nhà môi giới dự án.

Thực hiện cam kết tại Hợp đồng số 3101/2017-G; ngày 14-5-2018, ông đã chuyển khoản cho ông Hà Văn A số tiền 31.000.000.000 đồng, ngày 15-5-2019, ông tiếp tục chuyển khoản cho ông A 31.400.000.000 đồng, tổng cộng số tiền ông đã chuyển cho ông A là 78.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, ngày 17-5-2018, ông A đã hoàn trả lại cho ông 62.400.000.000 đồng và ngày 22-8-2018 đã hoàn trả số tiền còn lại là 15.600.000.000 đồng.

Ông Hà Văn A không thực hiện nghĩa vụ hoàn thành việc nộp hồ sơ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa để thay đổi cổ đông và người đại diện theo pháp luật của công ty, không bàn giao bản gốc hồ sơ pháp lý và giấy tờ liên quan đến dự án, không bàn giao hiện trạng lô đất và không thực hiện các thủ tục khác được thỏa thuận trong hợp đồng. Bên chuyển nhượng cổ phần không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông, nên ông khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc ông Hà Văn A, ông Nguyễn Tri Q, ông Dương Công Đ và bà Đào Hoàng H phải bồi thường cho ông số tiền phạt cọc là 15.600.000.000 đồng.

2. Bồi thường thiệt hại các chi phí ông đã bỏ ra liên quan đến việc thực hiện yêu cầu của ông Hà Văn A để hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, bao gồm:

2.1. Chi phí đã trả cho Công ty cổ phần X Đầu tư để thực hiện hợp đồng tư vấn được ký kết ngày 01-3-2018, giữa Công ty cổ phần X với ông Nguyễn Văn K với số tiền là 4.340.000.000 đồng.

2.2. Chi phí đã trả cho Hợp đồng thuê xe cơ giới thi công số 24/HD ngày 18-4-2018 được ký giữa ông Nguyễn Văn K và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư T với số tiền là 1.000.000.000 đồng.

2.3. Chi phí thuê trả lương cho nhân viên văn phòng trong 12 tháng là 996.000.000 đồng, cụ thể:

- Giám đốc điều hành : 30.000.000 đồng/tháng
- Nhân viên kế hoạch tổng hợp :10.000.000 đồng/tháng
- Kế toán trưởng :15.000.000 đồng/tháng
- Nhân viên kỹ thuật giám sát :12.000.000 đồng/tháng
- Nhân viên hành chính quản trị :8.000.000 đồng/tháng
- Lái xe và bảo vệ :8.000.000 đồng/tháng.

2.4. Chi phí thuê nhà của bà Phạm Thị Ngọc L để làm văn phòng làm việc: 96.000.000 đồng/năm.

2.5. Chi phí tiền lãi vay: Để đảm bảo khoản tiền trả cho bên chuyển nhượng cổ phần ông (K) đã vay 62.400.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Thị Ngọc Đ, với mức lãi suất 1,2% tháng (thời hạn 1 tháng), với số tiền lãi đã phải trả là 748.800.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 12-5-2018, vay của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ 32.400.000.000 đồng; ngày 11-5-2018, thanh toán cho bà Đ số tiền lãi là 388.800.000 đồng.

MMT & PARTNERS LAW FIRM

- Ngày 13-5-2018, vay của bà Nguyễn Thị Ngọc T 30.000.000.000 đồng; ngày 13-6-2018, thanh toán cho bà T số tiền lãi 360.000.000 đồng.

2.6. Chi phí khác: 624.000.000 đồng bao gồm:

- Xăng: 7.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 84.000.000 đồng.

- Xe: 15.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 180.000.000 đồng.

- Tiếp khách, giao dịch: 30.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 360.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản thiệt hại là: 7.804.800.000 đồng, nhưng ông (K) chỉ yêu cầu các bị đơn bồi thường cho ông số tiền làm tròn là **7.800.000.000 đồng**.

***2.** Bị đơn:*

***-** Người đại diện theo uỷ quyền của ông Hà Văn A trình bày:*

Ngày 31-01-2018, các cổ đông của Công ty G và ông Nguyễn Văn K có ký Hợp đồng số 3101/2017-G, với tổng giá trị cổ phần chuyển nhượng là 78.000.000.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng, ông Nguyễn Văn K đặt cọc cho ông Hà Văn A 15.600.000.000 đồng. Ông A đã yêu cầu ông K thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 về việc nhận chuyển nhượng theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Khánh Hòa và pháp luật Việt Nam. Ngày 20-4-2018, Công ty G có Văn bản số 20-04 GH đề nghị ông K phải thực hiện việc cung cấp hồ sơ năng lực, năng lực tài chính... đáp ứng yêu cầu nhận chuyển nhượng theo quy định, nhưng ông K không thực hiện. Đến ngày 14-5-2018, UBND tỉnh Khánh Hòa có Thông báo số 291/TB-UBND trả lời Công ty G, với nội dung không đủ cơ sở để xem xét, giải quyết việc chuyển nhượng cổ phần.

Sau khi nhận được Thông báo số 291/TB-UBND ngày 14-5-2018 (nêu trên) xác định việc chuyển nhượng cổ phần là chưa được phép, thì ngày 14-5-2018, tài khoản của ông Hà Văn A có nhận được các khoản tiền của ông K chuyển vào tổng cộng là 62.400.000.000 đồng (mặc dù ông A chưa đề nghị ông K thanh toán các khoản này). Tuy nhiên, ngay sau đó ông A đã hoàn trả số tiền này cho ông K, chỉ giữ lại số tiền đặt cọc là 15.600.000.000 đồng và tiếp tục tạo điều kiện về thời gian cho ông K thực hiện các điều kiện nhận chuyển nhượng theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đầu tư; đồng thời, ông A cố gắng liên hệ với các ban ngành ở tỉnh Khánh Hòa để xin phép chuyển nhượng cổ phần, nhưng không được phép. Vì vậy, ngày 31-7-2019, ông A đã gửi văn bản cho ông K thông báo chấm dứt hợp đồng. Ngày 23-8-2018, ông A đã chuyển trả cho ông K số tiền cọc là 15.600.000.000 đồng.

Công ty G chỉ có duy nhất một dự án, nên việc cổ đông chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của công ty được xem là công ty chuyển nhượng toàn bộ dự án, việc chuyển nhượng phải tuân thủ Luật Đầu tư, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật đất đai. Ngoài ra, theo mục 6.3 điều 6 của Hợp đồng số 3101/2017-G, thì ông K có nghĩa vụ phải cung cấp hồ sơ cho bên chuyển nhượng trong thời hạn chậm nhất là ngày 23-4-2018, nhưng ông K không cung cấp đầy đủ hồ sơ, cũng không có thiện chí thay đổi phương án khác để hoàn thành hợp đồng. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng cổ phần không thể thực hiện được là do ông K không thực hiện đúng cam kết, nên ông A không đồng ý bồi thường cho ông K tiền phạt cọc là 15.600.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại phát sinh là 7.800.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Tri Q, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn (ông Dương Công Đ, bà Đào Hoàng H) trình bày:

Ông Nguyễn Tri Q, ông Dương Công Đ và bà Đào Hoàng H là cổ đông của Công ty G, đã cùng ông Hà Văn A ký vào Hợp đồng số 3101/2017-G chuyển nhượng cổ phần của công ty cho ông Nguyễn Văn K. Từ đó cho đến nay, ông Hà Văn A chưa trả cho ông, bà bất cứ khoản tiền nào liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nêu trên. Các ông, bà đã cùng ông A chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của công ty, vì ông A là cổ đông lớn, chiếm đa số cổ phần trong công ty, nên ông A phải chịu trách nhiệm về việc chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đối với ông K. Việc soạn thảo, chuẩn bị hồ sơ và ban hành văn bản xin ý kiến của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc chuyển nhượng lại cổ phần của Công ty G cho người khác là do cá nhân ông A thực hiện, không thông qua ý kiến của cổ đông khác, Công ty G cũng không tổ chức bất kỳ cuộc họp nào để thông báo cho các cổ đông biết về nội dung làm việc với ông K. Do đó, các ông, bà yêu cầu ông A phải chịu trách nhiệm hoàn trả và bồi thường toàn bộ số tiền phạt cọc, tiền bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của ông K,

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty G trình bày:

Việc giao dịch chuyển nhượng cổ phần giữa ông Hà Văn A (cổ đông Công ty Cổ phần G) và ông Nguyễn Văn K là việc cá nhân của ông Hà Văn A, ông A có quyền giao dịch, chuyển nhượng số cổ phần của mình. Mặc dù, khi ông A và ông K ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có Công ty G xác nhận, nhưng việc chuyển nhượng không thực hiện được do Nhà nước chưa cho phép, nên ông A đã chuyển trả lại tất cả tiền cọc cho ông K. Công ty G nhận thấy việc chuyển nhượng cổ phần không thực hiện được, nhưng không có ai vi phạm nghĩa vụ, nên sự việc xem như đã chấm dứt, không ai còn quyền và nghĩa vụ gì đối với nhau.

- Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Cổ phần X đầu tư trình bày:

Công ty Cổ phần X đầu tư có ký hợp đồng tư vấn với ông Nguyễn Văn K để tư vấn xây dựng quy hoạch, xây dựng thiết kế cơ sở, quản lý dự án Khu du lịch sinh thái G, với giá trị của hợp đồng là 26.701.410.490 đồng, trong đó công ty đã nhận tạm ứng 4.340.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông K tự ý bỏ ngang không thực hiện theo đúng thỏa thuận, nên toàn bộ số tiền tạm ứng của ông K, Công ty Cổ phần X đầu tư đã sử dụng để triển khai thực hiện các công việc theo hợp đồng tư vấn.

- Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư T trình bày:

Ngày 18-4-2018, Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư T có ký hợp đồng cho ông Nguyễn Văn K thuê xe cơ giới thi công theo thỏa thuận giữa hai bên. Công ty đã nhận tạm ứng 1.000.000.000 đồng để chuẩn bị xe cơ giới, tổ chức việc thi công, nhưng sau đó ông K không thực hiện hợp đồng. Theo thỏa thuận trong trường hợp này, ông K phải bị mất toàn bộ tiền tạm ứng, Công ty T đã sử dụng số tiền này để thanh toán trước các chi phí nhân công, xăng xe... nên Công ty T không hoàn trả số tiền trên cho ông K.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

MMT & PARTNERS LAW FIRM

Ngày 13-5-2018, ông Nguyễn Văn K vay của bà 30.000.000.000 đồng, nhưng 01 tháng sau, bà đã nhận lại số tiền gốc và 360.000.000 đồng tiền lãi từ ông K. Khi vay tiền, bà có nghe ông K nói mục đích vay tiền là để xây dựng dự án, nhưng cụ thể như thế nào thì bà không rõ.

- *Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày:*

Ngày 12-5-2018, ông Nguyễn Văn K vay của bà 32.400.000.000 đồng để làm ăn, đầu tư. Thời gian vay trong hạn 01 tháng từ ngày 12-5-2018 đến ngày 11-6-2018, lãi suất thỏa thuận là 1,2%/tháng. Sau thời hạn cho vay, bà đã nhận lại đủ số tiền gốc 32.400.000.000 đồng và 388.800.000 đồng tiền lãi từ ông K.

- *Bà Phạm Thị Ngọc L trình bày:*

Bà là người cho ông Nguyễn Văn K thuê nhà số 52 đường A2, Khu đô thị Vĩnh Điềm Trung, xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang để làm văn phòng, thời gian thuê nhà từ ngày 10-4-2018 đến 09-4-2019, bà đã lấy đủ số tiền thuê nhà là 96.000.000 đồng. Mục đích thuê nhà là để làm văn phòng công ty xây dựng, nhưng cụ thể công ty gì thì bà không biết. Hiện nay, hợp đồng thuê nhà đã hoàn tất, bà đã nhận đủ số tiền thuê nhà và không còn liên quan gì đến ông K.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 21-02-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà:

Căn cứ Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 119, 126 của Luật Doanh nghiệp năm 2014; các Điều 328, 351, 360, 361, 364, 419, 428 của Bộ Luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Hà Văn A, ông Dương Công Đ, ông Nguyễn Tri Q và bà Đào Hoàng H có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn K số tiền 21.030.000.000 đồng, trong đó:

1.1. Ông Hà Văn A phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn K số tiền 18.927.000.000 (mười tám tỷ chín trăm hai mươi bảy triệu đồng).

1.2. Ông Dương Công Đ phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn K số tiền 1.051.500.000 (một tỷ không trăm năm mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

1.3. Ông Nguyễn Tri Q phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn K số tiền 946.350.000 đồng (chín trăm bốn sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

1.4. Bà Đào Hoàng H phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn K số tiền 105.150.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải bồi thường số tiền 2.460.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm sáu mươi triệu đồng) là chi phí thuê văn phòng làm việc; chi phí xăng xe đi lại, tiếp khách, giao dịch; chi phí thuê nhân viên và tiền lãi vay.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngày 22-02-2022, bị đơn là ông Hà Văn A kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 28-02-2022, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm buộc ông Hà Văn A phải thanh toán các khoản tiền (lương văn phòng là 924.000.000 đồng, thuê nhà làm văn phòng là 96.000.000 đồng và tiền vay là 1.692.600.000 đồng).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn (ông Nguyễn Văn K) và bị đơn (ông Hà Văn A) kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút toàn bộ kháng cáo; bị đơn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Như vậy, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 289, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn (ông Nguyễn Văn K.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn (ông Hà Văn A); sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, theo hướng giữ nguyên phần quyết định buộc bị đơn là ông Hà Văn A phải trả cho nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K số tiền phạt cọc là 15.600.000.000 đồng; không chấp nhận các yêu cầu còn lại của ông Nguyễn Văn K.

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1]. Về tố tụng:

Cho rằng ông Hà Văn A không thực hiện đúng các cam kết tại Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 3101/2017-G ngày 31-01-2018, nên ông Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu ông Hà Văn A và các ông Nguyễn Tri Q, Dương Công Đ và bà Đào Hoàng H phải bồi thường cho ông số tiền phạt cọc là 15.600.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại các chi phí ông đã bỏ ra liên quan đến việc thực hiện yêu cầu của ông Hà Văn A để hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Toà án cấp sơ thẩm thụ lý và xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần" là đúng quy định tại khoản 5 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng các ông, bà: Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Ngọc Đ, Phạm Thị Ngọc L, đại diện Công ty Cổ phần X đầu tư, Công ty Cổ phần Tư vấn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Lê Minh D vắng mặt không có lý do. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

MMT & PARTNERS LAW FIRM

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Đối với kháng cáo của ông Hà Văn A:

- Về việc ký kết hợp đồng:

Ngày 31-01-2018, ông Nguyễn Văn K và các ông Hà Văn A, Dương Công Đ, Nguyễn Tri Q và bà Đào Hoàng H có ký kết Hợp đồng số 3101/2017- G về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty G, với nội dung: Ông A, ông Đ, ông Q và bà H là các cổ đông của Công ty G đồng ý chuyển nhượng số cổ phần của các ông, bà tại công ty cho ông Nguyễn Văn K, với số lượng như sau: Ông A 90.000 cổ phần, tương ứng với 90% tỷ lệ vốn điều lệ; ông Đ 5.000 cổ phần, tương ứng với 5% tỷ lệ vốn điều lệ; ông Q 4.500 cổ phần, tương ứng với 4,5% tỷ lệ vốn điều lệ và bà H 500 cổ phần, tương ứng với 0,5% tỷ lệ vốn điều lệ; giá trị định giá cổ phần chuyển nhượng là 78.000.000.000 đồng; thời hạn hợp đồng là 03 tháng kể từ ngày bên chuyển nhượng nhận tiền đặt cọc. Trong các ngày 02-02-2018 và ngày 06-02-2018, ông Nguyễn Văn K đã chuyển tiền đặt cọc là 15.600.000.000 đồng vào tài khoản của ông A; ngày 14-5-2018, chuyển khoản cho ông A 31.000.000.000 đồng và ngày 15-5-2018, tiếp tục chuyển khoản cho ông A 31.400.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông Nguyễn Văn K đã chuyển cho ông A là 78.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 17-5-2018, ông A đã hoàn trả lại cho ông K 62.400.000.000 đồng và ngày 22-8-2018, đã hoàn trả số tiền còn lại là 15.600.000.000 đồng.

- Về việc buộc bồi thường tiền phạt cọc:

Tại Điều 6 - Hợp đồng số 3101/2017-G, ông Nguyễn Văn K đã cam kết; khoản 6.1: *"Cam kết ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần theo thời hạn do Bên Chuyển nhượng yêu cầu* ***và thực hiện đầy đủ, đúng hạn các công việc cần thiết để hoàn tất chuyển nhượng theo quy định của Hợp đồng này****"*; khoản 6.3: *"Cung cấp cho bên Chuyển nhượng Biên bản/Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị của Bên Nhận chuyển nhượng thông qua giao dịch này theo đúng quy định tại điều lệ của bên Nhận chuyển nhượng và pháp luật hiện hành; cung cấp cho bên Chuyển nhượng* ***danh sách cổ đông tham gia chuyển nhượng*** *do bên Nhận chuyển nhượng chỉ định và các bản sao giấy tờ nhân thân có liên quan"* và khoản 6.4: *"****Hỗ trợ*** *bên Chuyển nhượng hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc xin văn bản phê duyệt của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông như quy định tại hợp đồng này"*.

Ông Nguyễn Văn K cho rằng Công ty G, đại diện là ông Hà Văn A không thực hiện đúng các cam kết tại Hợp đồng số 3101/2017-G như không thực hiện nghĩa vụ hoàn thành việc nộp hồ sơ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa để thay đổi cổ đông và người đại diện theo pháp luật của công ty, không bàn giao bản gốc hồ sơ pháp lý và giấy tờ liên quan đến dự án, không bàn giao hiện trạng lô đất và không thực hiện các thủ tục khác được thỏa thuận trong hợp đồng, từ đó đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông, nên ông yêu cầu ông Hà Văn A, ông Nguyễn Tri Q, ông Dương Công Đ và bà Đào Hoàng H phải bồi thường cho ông số tiền phạt cọc là 15.600.000.000 đồng.

Ông Hà Văn A cho rằng, theo Mục 6.3 Điều 6 của Hợp đồng số 3101/2017-G, thì ông Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ cung cấp hồ sơ cho bên chuyển nhượng trong thời hạn chậm nhất là ngày 23-4-2018, nhưng ông K không cung cấp đầy đủ hồ

MMT & PARTNERS LAW FIRM

sơ, không cung cấp kịp thời biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hồ sơ, danh sách cổ đông tham gia chuyển nhượng do bên nhận chuyển nhượng chỉ định và các giấy tờ nhân thân, không hợp tác với ông A tìm phương án thay thế theo quy định tại Mục 10.2 của Hợp đồng, dẫn đến việc chuyển nhượng cổ phần không được UBND tỉnh Khánh Hòa chấp nhận. Do đó, không đồng ý bồi thường cho ông K số tiền phạt cọc là 15.600.000.000 đồng

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

+ Đối với ông Nguyễn Văn K:

Ngay sau khi nhận tiền cọc, Công ty G đã có Văn bản số 1004/GH ngày 10-4-2014 và Văn bản số 20-04/GH ngày 20-4-2018 yêu cầu ông Nguyễn Văn K nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 6.3 Điều 6 của Hợp đồng số 3101/2017-G, hồ sơ gồm *(Lập bản cam kết tiến độ thực hiện dự án, chứng minh năng lực tài chính, chứng minh khả năng thi công triển khai dự án, cam kết không phải là nhà môi giới dự án)* theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà, thời hạn nộp hồ sơ chậm nhất là ngày 23-4-2018 để Công ty G hoàn tất thủ tục gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, nhưng ông K không cung cấp hồ sơ theo đề nghị của Công ty G, do đó ngày 14-5-2018, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Thông báo số 291/TB-UBND xác định việc xin chuyển nhượng cổ phần của cổ đông công ty để thực hiện dự án do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh trình không có hồ sơ theo đúng quy định của Luật Đầu tư *(Không đầy đủ thông tin của bên Chuyển nhượng, bên Nhận chuyển nhượng, việc thực hiện nghĩa vụ tài chính, có yếu tố nước ngoài hay không...; hồ sơ chưa được ngành chức năng liên quan phối hợp thẩm định)*.

Cho đến tháng 6-2018 (ngày 06 và ngày 15-6-2018), khi đã quá hạn hiệu lực của hợp đồng, thì ông Nguyễn Văn K mới làm một số cam kết về năng lực tài chính, cam kết tiến độ (đều mang tính chất cá nhân), nhưng vẫn không đúng hồ sơ theo quy định tại khoản 6.3 Điều 6 Hợp đồng số 3101/2017-G.

Như vậy, có cơ sở để xác định ông Nguyễn Văn K (bên nhận chuyển nhượng) đã không cung cấp hồ sơ theo đúng yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà (thông qua các văn bản của Công ty G) để ông Hà Văn A thực hiện thủ tục chuyển nhượng, không hỗ trợ ông Hà Văn A để ông A hoàn thành các thủ tục liên quan đến việc xin văn bản phê duyệt của UBND tỉnh Khánh Hòa. Do đó, ông Nguyễn Văn K đã vi phạm Hợp đồng số 3101/2017-G, dẫn đến hợp đồng không thể thực hiện được và đây là lỗi của bên nhận chuyển nhượng (ông Nguyễn Văn K).

Ngoài ra, tổng số tiền đầu tư dự án Khu du lịch Sinh thái G tại Hòa Hèo - Bãi Túc thuộc xã Ninh Phú và xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa là 555.000.000.000 đồng. Tại thời điểm ngày 25-12-2017 (Công văn số 2512/CV-GH), trước ngày Hợp đồng số 3101/2017-G được ký kết (ngày 31-01-2018) thì Công ty G mới chỉ thực hiện dự án, với số tiền hơn 49.000.000.000 đồng. Sau khi Hợp đồng số 3101/2017-G được ký kết, bên nhận chuyển nhượng 100% cổ phần (nhận chuyển nhượng dự án) là ông Nguyễn Văn K đã chuyển khoản cho Công ty G (đại diện là ông Hà Văn A) 78.000.000.000 đồng, nhưng trong tổng số tiền này, ông K đã phải vay của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ 32.400.000.000 đồng (ngày 12-5-2018) và vay của bà Nguyễn Thị Ngọc T 30.000.000.000 đồng (ngày 13-5-2018). Điều này cho thấy ông

MMT & PARTNERS LAW FIRM

Nguyễn Văn K không có đủ năng lực tài chính, được quy định tại khoản 3 Điều 49 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014: *"Chủ đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản phải là doanh nghiệp kinh doanh bất động sản,* ***có đủ năng lực tài chính*** *và cam kết tiếp tục việc triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiến độ, nội dung dự án"* và tại Văn bản số 20-04/GH ngày 20-4-2018, Công ty G đã đề nghị ông Nguyễn Văn K chứng minh năng lực tài chính và hồ sơ cam kết tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng dự án, nhưng ông K vẫn không cung cấp, dẫn đến UBND tỉnh Khánh Hòa không đồng ý cho Công ty G chuyển nhượng cổ phần, do không có hồ sơ theo đúng quy định của Luật Đầu tư *"Không đầy đủ thông tin của ..., bên nhận chuyển nhượng;* ***việc thực hiện nghĩa vụ tài chính****..."* và đây cũng là nguyên nhân dẫn đến Hợp đồng số 3101/2017-G không thực hiện được, mà lỗi thuộc về bên nhận chuyển nhượng (ông Nguyễn Văn K).

+ Đối với Công ty cổ phần G (đại diện là ông Hà Văn A):

Để xin phê duyệt việc chuyển nhượng cổ phần, Công ty G đã có Văn bản số 2512/2017/CV-GH ngày 25-02-2017, Báo cáo số 123/BC-GH ngày 12-3-2018 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà về việc xin chuyển nhượng lại một phần hoặc toàn bộ cổ phần đang sở hữu trong công ty cho một nhà đầu tư khác; đồng thời, Công ty G cũng đã trực tiếp làm việc với UBND tỉnh Khánh Hòa, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà và các sở ban ngành liên quan (thể hiện tại Văn bản số 1061/SKHĐT-DN ngày 10-4-2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà) về tiến độ thực hiện dự án và việc xin chuyển nhượng cổ phần của cổ đông công ty. Như vậy, qua các buổi làm việc trực tiếp với các sở/ban/ngành liên quan của tỉnh Khánh Hòa từ tháng 02 đến tháng 4-2018, Công ty G, mà trực tiếp là ông Hà Văn A cũng đã thể hiện rõ trách nhiệm trong việc thực hiện chuyển nhượng cổ phần tại Hợp đồng số 3101/2017-G. Tuy nhiên, bên chuyển nhượng (Công ty G) chưa hoàn tất được hồ sơ chuyển nhượng cổ phần là do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà, cũng như UBND tỉnh Khánh Hòa chưa cho phép và đây là lý do khách quan ngoài ý muốn, là sự kiện bất khả kháng, đúng như các bên đã nhận biết được trước khi ký kết hợp đồng, nên đã thống nhất đưa vào quy định tại khoản 10.2 Điều 10 của Hợp đồng: *"****Trong trường hợp bất khả kháng do không được các cấp thẩm quyền phê duyệt việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP G****, mặc dù hai bên Chuyển nhượng và Nhận chuyển nhượng đã hết sức cố gắng giải quyết. Hai bên phải tìm phương án khác thay thế trên cơ sở hoàn thành Hợp đồng này, hoàn tất việc chuyển nhượng mà hai bên đã cam kết.* ***Khi không thể nào thực hiện được, hai bên mới thống nhất sẽ hoàn trả tiền cọc và thanh toán thêm một khoản tiền lãi suất Ngân hàng bằng tiền gửi tiết kiệm 03 tháng của Ngân hàng tại Khánh Hòa".***

Ngày 21-8-2018, ông Nguyễn Văn K gửi văn bản cho ông Hà Văn A, tại đoạn 2 mục 3 trang 2 văn bản này ông K nêu: *"****Tôi và ông*** *ký hợp đồng này* ***đã lường trước*** *việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP G nên mới thống nhất Điều 10.2...."*. Như vậy, cả bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng đều biết trước việc nếu cơ quan có thẩm quyền (UBND tỉnh Khánh Hòa) không đồng ý cho chuyển nhượng cổ phần là lý do bất khả kháng, nên đã thống nhất đưa nội dung này vào quy định tại khoản 10.2 Điều 10 của Hợp đồng số 3101/2017-G.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy phần lớn lỗi dẫn đến không thực hiện được hợp đồng là do ông Nguyễn Văn K không cung cấp được hồ sơ đúng như quy định tại khoản 6.1, khoản 6.3 và khoản 6.4 Điều 6 của Hợp đồng số 3101/2017-G, mặc dù Công ty G đã có nhiều văn bản đề nghị, từ đó dẫn đến Công ty G không có đủ hồ sơ để hoàn tất thủ tục xin chuyển nhượng cổ phần.

Như vậy, việc Công ty G (đại diện là ông Hà Văn A) không thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng cổ phần một phần do lỗi của bên nhận chuyển nhượng (ông Nguyễn Văn K), một phần thuộc trường hợp bất khả kháng (Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh Khánh Hòa chưa cho phép chuyển nhượng cổ phần). Do đó, bên chuyển nhượng (Công ty G) sẽ hoàn trả tiền cọc (15.600.000.000 đồng) và thanh toán thêm một khoản tiền lãi suất Ngân hàng bằng tiền gửi tiết kiệm 03 tháng của Ngân hàng tại tỉnh Khánh Hòa là đúng với ý chí, nguyện vọng và thỏa thuận của các bên khi tham gia ký kết hợp đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các cổ đông của Công ty G phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn K khoản tiền phạt cọc 15.600.000.000 đồng là không đúng với nguyên tắc tự thỏa thuận của các bên khi tham gia ký kết hợp đồng, không đúng quy định tại khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015: *"... Nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương ứng tài sản đặt cọc,* ***trừ trường hợp có thỏa thuận khác****"*, từ đó đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông Công ty G và cá nhân ông Hà Văn A.

Do lường trước được việc không thực hiện được Hợp đồng số 3101/2017-G, nên ngày 17-5-2018, ông Hà Văn A đã hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn K số tiền 62.400.000.000 đồng và ngày 22-8-2018, đã hoàn trả số tiền đặt cọc là 15.600.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 10.2 Điều 10 của Hợp đồng số 3101/2017-G, thì *"...* ***Khi không thể nào thực hiện được, hai bên mới thống nhất sẽ hoàn trả tiền cọc và thanh toán thêm một khoản tiền lãi suất Ngân hàng bằng tiền gửi tiết kiệm 03 tháng của Ngân hàng tại Khánh Hòa".*** Tuy nhiên, do lãi suất thỏa thuận quy định tại khoản 10.2 Hợp đồng số 3101/2017-G chưa rõ ràng, nên tại phiên toà phúc thẩm, ông Hà Văn A tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Văn K khoản lãi suất của số tiền đặt cọc theo quy định của pháp luật. Xét thấy, sự tự nguyện này là đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Dân sự, với mức lãi suất 10%/năm để giải quyết hậu quả của việc không thực hiện được hợp đồng.

Ngày 03-02-2018, ông Hà Văn A nhận tiền đặt cọc 15.600.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn K và ngày 22-8-2018, ông A đã trả lại đủ tiền cọc cho ông K. Thời gian nhận và trả tiền cọc là 06 tháng 20 ngày, do đó: 15.600.000.000 đồng x 0,8333%/tháng x 06 tháng 20 ngày = 866.632.000 đồng.

Như vậy, kháng cáo về nội dung phạt tiền đặt cọc của ông Hà Văn A đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và có cơ sở để chấp nhận.

- Về việc bồi thường thiệt hại các chi phí để hoàn tất hợp đồng:

Tại Điều 4 Hợp đồng số 3101/2017-G về các điều kiện hoàn tất chuyển nhượng quy định, **4.3**: *"Bàn giao toàn bộ lô đất, tài sản trên đất và các tài sản khác của dự án do Công ty G quản lý"* và **4.7**: *"Thời điểm hoàn tất giao dịch: Trong vòng 03 tháng kể từ*

MMT & PARTNERS LAW FIRM

ngày bên Chuyển nhượng nhận được tiền đặt cọc từ bên Nhân chuyển nhượng (không bao gồm ngày lễ, tết) trừ khi các bên có thoả thuận khác bằng văn bản".

Hợp đồng số 3101/2017-G được ký ngày 31-01-2018, nhưng ngày 01-3-2018 (hơn một tháng), ông Nguyễn Văn K đã ký kết hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần X đầu tư để thực hiện tư vấn các công việc có liên quan đến dự án Khu du lịch sinh thái G, với chi phí tư vấn theo hợp đồng là 26.701.410.490 đồng và ngày 18-4-2018 (hơn hai tháng), ông Nguyễn Văn K đã ký kết Hợp đồng thuê xe cơ giới thi công với Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư T để thực hiện thi công cơ sở hạ tầng kỹ thuật dự án Khu du lịch sinh thái G, với số tiền tạm ứng để thực hiện hợp đồng là 1.000.000.000 đồng là không thực hiện đúng quy định tại Điều 4.3 và 4.7 của Hợp đồng số 3101/2017-G. Do đó, các chi phí này (4.340.000.000 đồng chi trả cho Công ty Cổ phần X đầu tư và 1.000.000.000 đồng tạm ứng cho Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư T) không phải là thiệt hại để hoàn tất hợp đồng. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của ông Nguyễn Văn K, buộc ông Hà Văn A phải bồi thương cho ông Nguyễn Văn K tổng số tiền 5.340.000.000 đồng là không có căn cứ, trái với nguyên tắc tự thỏa thuận của các đương sự.

Như vậy, kháng cáo của ông Hà Văn A về nội dung bồi thường thiệt hại các chi phí để hoàn tất hợp đồng đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và có cơ sở để chấp nhận.

[2.2.2]. Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn K:

Ông Nguyễn Văn K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm buộc ông Hà Văn A phải thanh toán các khoản tiền (lương văn phòng là 924.000.000 đồng, thuê nhà làm văn phòng là 96.000.000 đồng và tiền vay là 1.692.600.000 đồng). Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm ông Nguyễn Văn K rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn K.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí kinh doanh thương mại:

[4.1]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Do chấp nhận kháng cáo của bị đơn (ông Hà Văn A), không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K. Do đó, ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường không được chấp nhận là: 15.600.000.000 đồng (tiền phạt cọc) + 7.800.000.000 đồng (bồi thường thiệt hại các chi phí để hoàn tất hợp đồng) = 23.400.000.000 đồng - 866.632.000 đồng (tiền lãi của số tiền đặt cọc) = 22.533.368.000 đồng, cụ thể: 112.000.000 đồng + 0,1% của giá trị tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng là 18.533.368.000 đồng (22.533.368.000 đồng - 4.000.000.000 đồng) = 18.533.368 đồng.

Như vậy, ông Nguyễn Văn K phải chịu 130.533.368 đồng (112.000.000 đồng + 18.533.368 đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[4.2]. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn K rút kháng cáo tại phiên toà phúc thẩm, nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

MMT & PARTNERS LAW FIRM

- Do được chấp nhận kháng cáo, nên ông Hà Văn A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn K.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Hà Văn A.

- Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 21-02-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

3. Căn cứ các Điều 328, 385, 398, 401, 418 và 429 của Bộ luật Dân sự; Điều 126 của Luật Doanh nghiệp năm 2014, xử:

3.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K về việc buộc ông Hà Văn A, ông Dương Công Đ, ông Nguyễn Tri Q và bà Đào Hoàng H có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn K số tiền 23.400.000.000 đồng (trong đó, tiền phạt cọc là 15.600.000.000 đồng, tiền bồi thường thiệt hại phát sinh để hoàn tất hợp đồng là 7.800.000.000 đồng).

3.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn là ông Hà Văn A bồi thường tiền lãi của số tiền đặt cọc (15.600.000.000 đồng) là 866.632.000 đồng cho ông Nguyễn Văn K.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các khoản 1 và 4 Điều 26, khoản 1 và 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

4.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn K phải chịu 130.533.368 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 65.700.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0000864 ngày 19-4-2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Khánh Hòa; ông K còn phải nộp 64.833.386 đồng (sáu

MMT & PARTNERS LAW FIRM

mươi tư triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ông Hà Văn A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn K phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009878 ngày 31-3-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà; ông Nguyễn Văn K còn phải nộp 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

- Ông Hà Văn A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm; trả lại ông Hà Văn A số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001457 ngày 04-4-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Việt Cường

MMT & PARTNERS LAW FIRM